

# **Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

# Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 23

# Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102004703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty chính thức hủy niêm yết tự nguyện vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN vào ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1174, Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	Chủ tịch	
Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Hà Trung Tín	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Hữu Hưng	Trưởng ban Kiểm soát	
Ông Lâm Mạnh Quân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Hà Trung Tín	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Hoàng Anh Chiến.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám Đốc:



Đặng Hoàng Anh Chiến  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

Số tham chiếu: 61400335/21090613-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 5 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 và các thuyết minh giữa niên độ kèm theo chưa được soát xét.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Yoong Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>160.479.955.223</b>	<b>156.123.667.866</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>21.755.231.631</b>	<b>12.212.200.611</b>
111	1. Tiền		21.755.231.631	12.212.200.611
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		95.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>32.593.755.342</b>	<b>126.938.992.153</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19	3.002.142.136	3.096.900.333
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6.1	29.591.613.206	123.842.091.820
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.130.968.250</b>	<b>16.972.475.102</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	10.470.803.169	16.148.403.942
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	10	10.902.863	174.808.942
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	649.262.218	649.262.218
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>58.140.426.543</b>	<b>58.950.157.074</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>44.654.319.436</b>	<b>44.654.319.436</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.2	44.654.319.436	44.654.319.436
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.799.648.830</b>	<b>11.430.004.360</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.799.648.830	11.430.004.360
222	Nguyên giá		24.102.038.445	24.102.038.445
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.302.389.615)	(12.672.034.085)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.686.458.277</b>	<b>2.865.833.278</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	2.686.458.277	2.865.833.278
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>218.620.381.766</b>	<b>215.073.824.940</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.876.141.306</b>	<b>9.358.089.973</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>10.876.141.306</b>	<b>9.358.089.973</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	899.147.746	1.142.020.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		244.508.895	267.497.322
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	627.157.759	101.062.513
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	1.622.356.531	1.965.447.554
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	1.718.886.182	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	5.733.966.440	5.851.944.432
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.117.753	30.117.753
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>207.744.240.460</b>	<b>205.715.734.967</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>207.744.240.460</b>	<b>205.715.734.967</b>
411	1. Vốn cổ phần		249.149.910.000	249.149.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		249.149.910.000	249.149.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.168.804.418	7.168.804.418
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.832.825.096)	(2.832.825.096)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.082.930.218	10.082.930.218
421	5. Lỗ lũy kế		(55.824.579.080)	(57.853.084.573)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(57.853.084.573)	(53.728.120.450)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) kỳ này		2.028.505.493	(4.124.964.123)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>218.620.381.766</b>	<b>215.073.824.940</b>



Võ Thị Phương Thảo  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



Đặng Hoàng Anh Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	36.270.180.305	1.054.441.901.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	(262.685.690)	(6.303.904.822)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	36.007.494.615	1.048.137.996.427
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(33.847.688.200)	(943.262.554.046)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.159.806.415	104.875.442.381
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	42.144.091	275.109.257
22	7. Chi phí tài chính		(29.939)	(586.569.632)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(586.569.632)
25	8. Chi phí bán hàng	16, 17	(20.209.280)	(108.900.723.072)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16, 17	(151.106.491)	(2.193.315.446)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		2.030.604.796	(6.530.056.512)
31	11. Thu nhập khác		721	41.484.694
32	12. Chi phí khác		(2.100.024)	(1.023.719.558)
40	13. Lỗ khác		(2.099.303)	(982.234.864)
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		2.028.505.493	(7.512.291.376)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	-	-
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		2.028.505.493	(7.512.291.376)

Võ Thị Phương Thảo  
Người lập

Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

Đặng Hoàng Anh Chiến  
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 5 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

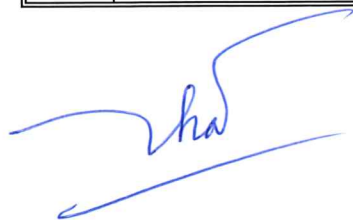
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>2.028.505.493</b>	<b>(7.512.291.376)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	7	630.355.530	8.651.663.449
03	Các khoản dự phòng		-	810.219.227
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(29.938)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(42.114.153)	(273.328.251)
06	Chi phí lãi vay		-	586.569.632
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.616.716.932</b>	<b>2.262.832.681</b>
09	Giảm các khoản phải thu		94.509.142.890	24.028.039.679
10	Giảm hàng tồn kho		-	8.874.551.147
11	Tăng các khoản phải trả		1.518.051.333	51.933.061.036
12	Giảm chi phí trả trước		5.856.975.774	2.720.596.885
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>104.500.886.929</b>	<b>89.819.081.428</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	331.029.103
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(95.000.000.000)	(2.567.500.000)
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng		42.114.153	-
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(94.957.885.847)</b>	<b>(2.236.470.897)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi từ mua cổ phiếu quỹ		-	(81.886.375.724)
33	Tiền thu từ đi vay		-	(81.886.375.724)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(81.886.375.724)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.543.001.082	5.696.234.807
60	Tiền đầu kỳ		12.212.200.611	55.270.830.566
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		29.938	-
70	Tiền cuối kỳ	4	21.755.231.631	60.967.065.373



Võ Thị Phương Thảo  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



Đặng Hoàng Anh Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102004703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX"). Công ty chính thức hủy niêm yết tự nguyện vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN vào ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1174, Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Hàng tồn kho

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
---------------------	-----------

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được công bố. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Doanh thu cho thuê*

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền gửi ngân hàng	<u>21.755.231.631</u>	<u>12.212.200.611</u>

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất 7,65%/năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**6.1 Các khoản phải thu khác ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên liên quan (Thuyết minh số 19)	29.443.883.482	123.402.678.555
Bên khác	147.729.724	439.413.265
<i>Phải thu chiết khấu thương mại</i>	-	259.950.669
<i>Phải thu từ nhân viên</i>	<u>147.729.724</u>	<u>179.462.596</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>29.591.613.206</b></u>	<u><b>123.842.091.820</b></u>

**6.2 Các khoản phải thu khác dài hạn**

Phải thu dài hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2019	<u>24.102.038.445</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(12.672.034.085)
Khấu hao trong kỳ	<u>(630.355.530)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019	<u>(13.302.389.615)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>11.430.004.360</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019	<u>10.799.648.830</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê các cửa hàng	10.470.803.169	16.148.403.942
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê cửa hàng	<u>2.686.458.277</u>	<u>2.865.833.278</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.157.261.446</u></b>	<b><u>19.014.237.220</u></b>

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả các nhà cung cấp dịch vụ bảo hành	824.258.091	870.509.903
Khác	<u>74.889.655</u>	<u>271.510.496</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>899.147.746</u></b>	<b><u>1.142.020.399</u></b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2019
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	28.446.692	4.245.274.062	3.719.113.842	554.606.912
Thuế thu nhập cá nhân	64.974	-	64.974	-
Khác	<u>72.550.847</u>	<u>26.100.000</u>	<u>26.100.000</u>	<u>72.550.847</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>101.062.513</u></b>	<b><u>4.271.374.062</u></b>	<b><u>3.745.278.816</u></b>	<b><u>627.157.759</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	649.262.218	-	-	649.262.218
Thuế giá trị gia tăng	<u>174.808.942</u>	<u>2.973.549.756</u>	<u>3.137.455.835</u>	<u>10.902.863</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>824.071.160</u></b>	<b><u>2.973.549.756</u></b>	<b><u>3.137.455.835</u></b>	<b><u>660.165.081</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí thuê địa điểm	1.192.172.723	1.690.434.793
Chi phí tiện ích	-	4.168.043
Chi phí khác	<u>430.183.808</u>	<u>270.844.718</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.622.356.531</u></b>	<b><u>1.965.447.554</u></b>

**12. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản thu trước tiền cho thuê cửa hàng.

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Kinh phí công đoàn	2.447.486.741	2.447.486.741
Thanh lý hợp đồng thuê	2.248.132.536	2.248.132.536
Ký quỹ	959.686.329	979.664.329
Thu hộ	39.200.000	137.200.000
Khác	<u>39.460.834</u>	<u>39.460.826</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.733.966.440</u></b>	<b><u>5.851.944.432</u></b>

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (chưa soát xét)	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.333.755.096)	10.082.930.218	(46.215.829.074)	217.852.060.466
Lỗ thuần trong kỳ (chưa soát xét)	-	-	-	-	(7.512.291.376)	(7.512.291.376)
Ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>249.149.910.000</u>	<u>7.168.804.418</u>	<u>(2.333.755.096)</u>	<u>10.082.930.218</u>	<u>(53.728.120.450)</u>	<u>210.339.769.090</u>
<b>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(57.853.084.573)	205.715.734.967
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.028.505.493	2.028.505.493
Ngày 31 tháng 3 năm 2019	<u>249.149.910.000</u>	<u>7.168.804.418</u>	<u>(2.832.825.096)</u>	<u>10.082.930.218</u>	<u>(55.824.579.080)</u>	<u>207.744.240.460</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.1 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu đã được duyệt	24.914.991	24.914.991
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.914.991	24.914.991
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(116.914)	(116.914)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.798.077	24.798.077

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>36.270.180.305</b>	<b>1.054.441.901.249</b>
<i>Doanh thu cho thuê</i>	36.007.494.615	-
<i>Doanh thu bán hàng</i>	262.685.690	1.054.441.901.249
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(262.685.690)</b>	<b>(6.303.904.822)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(262.685.690)	(6.303.904.822)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>36.007.494.615</b>	<b>1.048.137.996.427</b>

**15.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
Lãi tiền gửi	42.114.153	273.328.251
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.938	440.906
Khác	-	1.340.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.144.091</b>	<b>275.109.257</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**16. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)</i>
		<i>VND</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>20.209.280</b>	<b>108.900.723.072</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.936.267	40.502.285.461
Chi phí nhân viên	-	38.593.704.421
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	10.116.420.749
Chi phí khấu hao	-	7.958.920.746
Chi phí khác	14.273.013	11.729.391.695
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>151.106.491</b>	<b>2.193.315.446</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.106.491	224.951.957
Chi phí nhân viên	-	791.930.729
Chi phí khấu hao	-	692.742.703
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	483.690.057
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>171.315.771</b>	<b>111.094.038.518</b>

**17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)</i>
		<i>VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	33.217.332.670	943.262.554.046
Chi phí khấu hao	630.355.530	8.651.663.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.042.758	40.727.237.418
Chi phí nhân viên	-	39.385.635.150
Chi phí khác	14.273.013	22.329.502.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.019.003.971</b>	<b>1.054.356.592.564</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**18.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>2.028.505.493</b>	<b>(7.512.291.376)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	405.701.099	(1.502.458.275)
<i>Khoản điều chỉnh:</i>		
Sử dụng lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	(405.701.099)	-
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	-	1.502.458.275
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 44.891.658.637 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 3 năm 2019	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 3 năm 2018
2018	2023	46.920.164.130	(2.028.505.493)	44.891.658.637

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty như trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**19. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ này bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 (chưa soát xét)</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	35.084.048.488	261.818.181
		Thu hộ	254.455.253	4.075.724.101
		Chi hộ	8.978.012	5.373.351.898
		Bán hàng hóa	-	234.065.589.588
		Mua hàng hóa	-	946.185.371.725
		Chiết khấu thanh toán	-	65.474.383.392
		Cung cấp dịch vụ	-	37.540.639.884
		Mua công cụ, dụng cụ	-	1.168.962.460
		Chi phí lãi vay	-	487.009.445

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<b><i>Phải thu người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	<u>3.002.142.136</u>	<u>3.096.900.333</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty mẹ	Chiết khấu Chi hộ	11.719.633.067	11.649.393.435
		Thanh lý tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	9.359.004.639	5.288.039.344
		Cung cấp dịch vụ	7.954.245.776	106.054.245.776
			<u>411.000.000</u>	<u>411.000.000</u>
			<b><u>29.443.883.482</u></b>	<b><u>123.402.678.555</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Công ty là bên đi thuê**

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đến 1 năm	111.262.924.929	147.062.390.787
Từ 1 đến 5 năm	496.920.388.775	552.356.648.934
Trên 5 năm	250.662.547.584	284.692.039.902
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>858.845.861.288</u></b>	<b><u>984.111.079.623</u></b>




**Công ty là bên cho thuê**


Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đến 1 năm	137.132.022.532	140.633.188.707
Từ 1 đến 5 năm	498.306.314.798	526.639.840.614
Trên 5 năm	242.091.911.279	278.262.837.822
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>877.530.248.609</u></b>	<b><u>945.535.867.143</u></b>

**21. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Võ Thị Phương Thảo                      Vũ Đăng Linh                      Đặng Hoàng Anh Chiến  
 Người lập                                      Giám đốc Tài chính                      Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2019